TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1408/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29- 09-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi

2. Ông Nguyễn ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Quang - Thư ký Tòa án án nhân dân khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* không có.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2025, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 578/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 497/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 21 tháng 09 năm 1991; căn cước công dân số: 079191024903 do cục trưởng cục Cảnh sát cấp ngày 13 tháng 01 năm 2022; địa chỉ: số C đường E, ấp B, Xã N, (xã N, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đặng Chí T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1984; căn cước công dân số: 093084002191 do cục trưởng cục Cảnh sát cấp ngày 03 tháng 05 năm 2023; địa chỉ: số B đường N, ấp B, Xã N, (xã N, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 16 tháng 06 năm 2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc

nhưng về sau, giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tôn trọng ý kiến của nhau thường cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết và không thể hàn gắn, nên nguyên đơn khởi kiện yêu câu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Quốc H sinh ngày 07 tháng 06 năm 2016. Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025; thì việc bà Nguyễn Thị Ngọc P yêu cầu ly hôn với ông Đặng Chí T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 16 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Đặng Chí T là hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm nhưng nguyên đơn từ chối; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để hòa giải; tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ nguyên đơn và bị đơn không còn tha thiết với việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, để trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm sống,

các bên phải quý trọng, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung trong cuộc sống, tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 109 ngày 16 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã N , huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Quốc H, sinh ngày 07 tháng 06 năm 2016.

Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn: Nhận thấy, trẻ Đặng Nguyễn Quốc H sinh năm 2016 là độ tuổi còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, tại bản tự khai ngày 07 tháng 08 năm 2025 trẻ H có nguyện vọng sống với mẹ, mặt khác, suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện và là ý chí của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn với ông Đặng Chí T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 16 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Đặng Nguyễn Quốc H, sinh ngày 07 tháng 06 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con các đương sự tự thỏa thuận.

Ông Đặng Chí T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Ngọc P phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003097 ngày 11 tháng 07 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Ngọc P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoài

Nơi nhận
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8-TP. Hồ Chí Minh;
- THA DS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.